

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 234/2022/DS-PT
Ngày 13 -6- 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 168/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà 182/3, khóm Tân Thuận, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị M: Ông Tô Phú Đ, sinh năm 1959 (Có mặt). Địa chỉ: Số nhà 139/1, quốc lộ 80, ấp Phú Thuận, xã P, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 808/5, ấp Hòa Định, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Anh Lê Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị M trình bày:

Vào ngày 06/4/2021, anh Lê Văn K có vay của chị M số tiền 900.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng, có làm biên nhận vay tiền, anh K hẹn 05 ngày sau sẽ trả tiền. Đến ngày 14/4/2021, sau khi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Phòng giao dịch S giải quyết và cho anh K vay lại số tiền 900.000.000 đồng nhưng anh K không trả lại tiền vay cho chị M như đã hẹn. Chị M nhiều lần điện thoại nhưng anh K không nghe và tránh mặt không để chị M tìm được.

Đến ngày 15/4/2021, chị M đã viết đơn tố cáo anh K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Công an thành phố S. Ngày 21/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã mời anh K lên làm việc và anh K thừa nhận có nợ chị M số tiền 900.000.000 đồng, cam kết trả nợ và lập biên bản thỏa thuận trả trước cho chị M 500.000.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng hẹn 10 ngày sau sẽ trả hết. Tuy nhiên, đến ngày hẹn trả nợ anh K vẫn không trả. Vì vậy, chị M tiếp tục viết đơn tố cáo anh K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Công an thành phố S. Ngày 07/5/2021, Công an thành phố S đã mời anh K lên làm việc và anh K cam kết đến ngày 31/5/2021 sẽ trả 400.000.000 đồng cho chị M. Việc cam kết và thỏa thuận của anh K đều có sự chứng kiến và thống nhất của ba mẹ anh K là ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị T. Sau đó, anh K vẫn không trả nợ nên chị M tiếp tục viết đơn tố cáo lên cơ quan công an.

Đến ngày 28/9/2021, Công an thành phố S có quyết định số 44/QĐ-CQCSĐT về việc không khởi tố hình sự đối với anh Lê Văn K. Nay chị M yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Văn K trả số tiền vay 400.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 06/4/2021 đến ngày 21/4/2021 là $900.000.000 \text{ đồng} \times 2\% \times 16 \text{ ngày} = 9.600.000 \text{ đồng}$. Tiền lãi tính từ ngày 22/4/2021 đến ngày 20/10/2021 là $400.000.000 \text{ đồng} \times 2\% \times 5 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 47.467.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi anh K phải trả cho chị M là 457.067.000 (*bốn trăm năm mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 16/12/2021, ông Đ đại diện theo ủy quyền của chị M điều chỉnh lại phần lãi suất theo quy định cụ thể như sau: Tiền lãi phát sinh từ ngày 06/4/2021 đến ngày 21/4/2021 là $900.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 16 \text{ ngày} = 7.968.000 \text{ đồng}$. Tiền lãi tính từ ngày 22/4/2021 đến ngày 16/12/2021 là $400.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 44.930.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi suất là 452.898.000 đồng. Ông Đ yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn anh Lê Văn K trình bày:

Anh K không thống nhất với lời trình bày của chị M. Anh K không có vay của chị M số tiền 900.000.000 đồng. Anh K không quen biết chị M, việc anh K vay tiền của chị M để đáo hạn ngân hàng là do anh Nguyễn Tấn Mạnh – Cán bộ tín dụng của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Phòng giao dịch S giới thiệu. Vì anh N là người làm hồ sơ tín dụng cho anh K. Giấy tờ vay vốn giữa chị M và anh K do anh N soạn thảo và thực tế anh K chỉ nhận tiền vay của chị M là 870.000.000 đồng. Anh K đã trả cho chị M 500.000.000 đồng và còn nợ lại 370.000.000 đồng. Nay anh K đồng ý trả cho chị M số tiền vốn vay là 370.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Giấy tờ vay vốn giữa chị M và anh K do anh N soạn thảo có chữ ký tên của anh, chị M, ông G, bà T. Giấy vay tiền ngày 06/4/2021 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không có chữ ký của ông Giờ, bà Thiệp là không đúng nhưng chữ ký và ghi họ tên Lê Văn K trong giấy vay tiền ngày 06/4/2021 là do anh K tự ký tên và ghi họ tên. Thực tế, anh K chỉ nhận tiền vay của chị M từ anh N là 870.000.000 đồng. Anh K là người vay tiền của chị M, ông G, bà T là người chứng kiến, người làm chứng cho cam kết trả nợ của anh K nên không liên quan gì trong vụ án.

Ngày 21/4/2021, anh K đã trả cho chị M 500.000.000 đồng và còn nợ lại 370.000.000 đồng. Anh K thừa nhận tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố S, anh K có ký tên, ghi họ tên vào biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021 và anh K tự viết tờ cam kết ngày 07/5/2021. Việc anh K ký tên vào các văn bản nêu trên là do cán bộ cơ quan cảnh sát điều tra thành phố S bắt anh ký tên mới cho anh về nhà. Do anh ký tên vào biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021 và tờ cam kết ngày 07/5/2021 tại Cơ quan cảnh sát điều tra nên thời điểm đó anh thừa nhận có nợ chị M số tiền vay 900.000.000 đồng và anh đã trả 500.000.000 đồng, còn nợ lại chị M số tiền 400.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, anh K không thừa nhận còn nợ chị M số tiền 400.000.000 đồng mà chỉ nợ 370.000.000 đồng và đề nghị Tòa án mời anh Nguyễn Tấn N tham dự phiên tòa để trình bày sự thật vì ý kiến của anh N trình bày trong tờ tường trình ngày 29/12/2021 là không đúng với sự thật.

Đối với số tiền lãi, tại phiên tòa sơ thẩm anh K cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận miệng và khi chị M cho anh K vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/ngày, mức lãi suất này là rất cao nên vi phạm pháp luật và chị M đã điều chỉnh lại mức lãi suất là 1,66%/tháng, anh K vẫn không đồng ý trả khoản tiền lãi

nào cho chị M. Do đó, anh K chỉ đồng ý trả tiền vốn vay 370.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST, ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Thị M về việc yêu cầu bị đơn Lê Văn K trả tiền vốn, lãi vay còn nợ là 470.000.000 (*bốn trăm bảy mươi triệu*) đồng.

Buộc anh Lê Văn K phải trả cho chị Huỳnh Thị M số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và 70.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 470.000.000 (*bốn trăm bảy mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/12/2021 anh Lê Văn K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST, ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp vì số tiền anh mượn của chị M không đúng như chị M yêu cầu. Anh Lê Văn K yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Lê Văn K trình bày: Anh K yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh, sửa bản án sơ thẩm, anh chỉ đồng ý trả cho chị Huỳnh Thị M số tiền vốn là 370.000.000 đồng. Đối với tiền lãi anh đồng ý trả cho chị M 30.000.000 đồng.

Ông Tô Phú Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Thị M trình bày: Chị đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi nhận bản án sơ thẩm bị đơn và nguyên đơn không có thỏa thuận gì về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh Lê Văn K đúng về hình thức, nội dung, nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của anh được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn K về số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng:

Giấy vay tiền ngày 06/4/2021 do chị M giao nộp có nội dung anh Lê Văn K vay của chị Huỳnh Thị M số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, lãi suất vay thỏa thuận miệng, mục đích vay là đáo nợ ngân hàng tại S, người vay tiền là Lê Văn K ký tên và ghi họ tên. Anh K cho rằng Giấy vay tiền ngày 06/4/2021 mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án không có chữ ký của ông Giờ, bà Thiệp là không đúng nhưng chữ ký và ghi họ tên Lê Văn K trong giấy vay tiền ngày 06/4/2021 này là do anh K tự ký tên và ghi họ tên. Thực tế, anh K chỉ nhận tiền vay của chị M từ anh N là 870.000.000 đồng chứ không phải 900.000.000 đồng như chị M trình bày. Tuy nhiên, anh K không có gì chứng minh cho ý kiến trình bày của anh.

Tại cơ quan điều tra, anh K cũng thừa nhận có nợ của chị M số tiền 900.000.000 đồng thông qua biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021. Anh K có ký tên và ghi họ tên vào biên bản thỏa thuận nêu trên. Tại biên bản thỏa thuận này, anh K thừa nhận vay chị M 900.000.000 đồng với lãi thỏa thuận 02%/tháng và tại biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021 anh K có trả cho chị M số tiền 500.000.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng anh K hẹn 10 ngày sau (tính từ ngày 21/4/2021 đến hết ngày 02/5/2021) sẽ trả xong cho chị M. Đến hết ngày 02/5/2021, anh K không trả tiền cho chị M theo Biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021, nên chị M tiếp tục gửi đơn tố cáo anh K tại Công an thành phố S. Vào ngày 07/5/2021, tại cơ quan Công an thành phố S anh K thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào tờ cam kết ngày 07/5/2021, thừa nhận còn nợ chị M 400.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021. Theo tờ cam kết này, anh K hứa đến ngày 31/5/2021 sẽ trả hết số tiền 400.000.000 đồng cho chị M. Tại phiên tòa phúc thẩm anh K thừa nhận do không bán được đất nên không trả nợ khi đến hạn cho chị M theo biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021 đã được hai bên ký kết.

Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn Lê Văn K cho rằng số tiền nợ trong giấy vay tiền, biên bản thỏa thuận, tờ cam kết mà nguyên đơn cung cấp không đúng với số tiền bị đơn nhận thực tế từ nguyên đơn. Anh K cho rằng biên nhận vay số tiền 870.000.000 đồng của chị M do anh Nguyễn Tấn N soạn thảo và có sự ký tên chứng kiến của cha mẹ ruột anh K là ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị T, nhưng anh không có giữ biên nhận mà biên nhận do anh N, chị M giữ. Xét lời trình bày của anh K không được chị M và anh N thừa nhận. Anh N cho rằng do anh K nhờ nên anh N có giới thiệu chị M để anh K vay tiền đáo hạn ngân hàng, sau đó hai bên tự thỏa thuận số tiền vay, thời gian vay. Anh N không làm biên nhận dùm, không có mặt tại thời điểm giao dịch giữa chị M và anh K, và cũng không biết chị M cho anh K vay số tiền bao nhiêu. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Giời cũng thừa nhận có ký tên, ghi họ tên vào biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021, tờ cam kết ngày 07/5/2021 tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố S, với mục đích thể hiện Lê Văn K cam kết trả nợ cho chị M, không có việc K lừa đảo không trả nợ cho chị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh anh chỉ nợ chị M số tiền 870.000.000 đồng và hiện nay còn nợ chị M số tiền 370.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh K vay tiền 900.000.000 đồng của chị Huỳnh Thị M là có thật được thể hiện theo giấy vay tiền ngày 06/4/2021, biên bản thỏa thuận ngày 21/4/2021, tờ cam kết ngày 07/5/2021 có chữ ký, ghi họ tên Lê Văn K, đã được các đương sự thừa nhận và bị đơn đã nhiều lần cam kết trả nợ số tiền vay cho nguyên đơn. Do đó Tòa án sơ thẩm xét xử buộc anh K phải trả cho chị M số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của anh Lê Văn K về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu anh K trả tiền lãi vay với mức lãi suất theo quy định đến ngày 22/02/2022 cụ thể như sau: Tiền lãi phát sinh từ ngày 06/4/2021 đến ngày 21/4/2021 là 900.000.000 đồng \times 1,66%/tháng \times 16 ngày = 7.968.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 22/4/2021 đến ngày 22/02/2022 là: 400.000.000 đồng \times 1,66%/tháng \times 10 tháng = 66.400.000 đồng. Tổng lãi là 74.368.000 đồng, nhưng chị M tự nguyện giảm tiền lãi cho anh K, chị M chỉ yêu cầu anh K trả tổng số tiền lãi là 70.000.000 đồng. Anh K không đồng ý trả tiền lãi cho chị M, anh cho rằng anh vay trong thời hạn 05 ngày nên không đồng ý trả tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất cho vay thể hiện trong Giấy vay tiền ngày 06/4/2021 là thỏa thuận miệng, không xác định được mức lãi suất cụ thể. Ngày 21/4/2021, các bên có lập biên bản thỏa thuận thể hiện lãi suất vay là 2%/ tháng,

anh K không có ý kiến gì về lãi suất và ký tên, ghi họ tên vào biên bản thỏa thuận, vì vậy anh K đã thừa nhận lãi suất cho vay là 2%/tháng. Ngoài ra anh K thừa nhận từ ngày vay tiền 06/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (23/02/2022) anh K không có trả tiền lãi vay cho chị M. Do đó lời trình bày của anh K không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất vay là 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Do đó, anh K phải có trách nhiệm trả tiền lãi như yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Tiền lãi phát sinh từ ngày 06/4/2021 đến ngày 21/4/2021 là 900.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 16 ngày = 7.968.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 22/4/2021 đến ngày 22/02/2022 là: 400.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 10 tháng = 66.400.000 đồng. Tổng lãi là 74.368.000 đồng. Tổng lãi là 74.589.000 đồng, nhưng chị M chỉ yêu cầu anh K trả số tiền lãi 70.000.000 đồng là có lợi cho anh K.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm anh K không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh yêu cầu kháng cáo của anh là có căn cứ. Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của anh Lê Văn K không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Lê Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Thị M về việc yêu cầu bị đơn Lê Văn K trả tiền vốn, lãi vay còn nợ là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng.

Buộc anh Lê Văn K phải trả cho chị Huỳnh Thị M số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và 70.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Văn K phải chịu 22.800.000 (hai mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Chị Huỳnh Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.141.500 (mười một triệu một trăm bốn mươi một nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005840 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005971 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA Tòa án Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Dương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Trần Trung Thành